

Công Ty C
Ph n In Và
Bao Bì M
Châu

Digitally signed by Công Ty
C Ph n In Và Bao Bì M
Châu
DN: cn=Công Ty C Ph n In
Và Bao Bì M Châu c=VN
Reason: MCP
Location:
Date: 2025-03-31
16:52+07:00

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-33
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-33

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Nhà máy thực phẩm xuất khẩu Mỹ Châu theo Quyết định số 207/1998/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 12 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp số 0301671386, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 3 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 16 tháng 01 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Trọng Tuấn	Chủ tịch	Ông Vũ Trọng Tuấn được bổ nhiệm làm thành viên HĐQT ngày 01/11/2024 và được bổ nhiệm làm chủ tịch HĐQT ngày 25/11/2024
Bà Bùi Thị Minh Tâm	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28/06/2024; Miễn nhiệm ngày 01/11/2024
Bà Phạm Thị Thuý Phương	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 28/06/2024
Bà Dương Thị Thanh Tâm	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 28/06/2024
Bà Triệu Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/06/2024
Bà Phan Đỗ Hạnh	Thành viên	Bà Phan Đỗ Hạnh được bổ nhiệm làm Chủ tịch HĐQT ngày 01/11/2024 và miễn nhiệm chức danh này ngày 25/11/2024

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông La Hoài Nam	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25/11/2024
Ông Vũ Trọng Tuấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/08/2024; Miễn nhiệm ngày 25/11/2024
Bà Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 23/08/2024

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Chu Thị Phương Anh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 01/11/2024
Bà Phạm Thị Minh Huyền	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 01/11/2024
Ông Lê Văn Tới	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/06/2024
Bà Lê Thị Thanh Hằng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/11/2024
Bà Nguyễn Thị Cẩm Vang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/06/2024
Bà Phạm Ngọc Hạnh Nhung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01/11/2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Bà Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh (miễn nhiệm 23/08/2024); Ông Vũ Trọng Tuấn – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 25/11/2024); Ông La Hoài Nam (bổ nhiệm ngày 25/11/2024).

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



La Hoài Nam
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu được lập ngày 23 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại Báo cáo kiểm toán số 397/2024/KT-RSMHCM ngày 28 tháng 03 năm 2024.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Nguyễn Trung Kiên

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 5136-2025-002-1

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		294.219.098.541	237.818.943.441
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	16.906.377.798	11.160.504.865
111	1. Tiền		15.906.377.798	11.160.504.865
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	85.000.000.000	25.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		85.000.000.000	25.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		129.503.587.107	89.607.219.174
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	65.496.808.725	85.874.087.881
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	3.933.045.991	4.203.732.638
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	64.940.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	643.291.977	732.654.980
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5.509.559.586)	(1.203.256.325)
140	IV. Hàng tồn kho	10	61.637.465.146	109.825.325.972
141	1. Hàng tồn kho		61.637.465.146	109.825.325.972
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.171.668.490	2.225.893.430
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	1.110.059.023	1.316.869.241
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	61.609.467	909.024.189
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		23.476.402.417	81.265.740.316
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.250.000	5.250.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	5.250.000	5.250.000
220	II. Tài sản cố định		17.047.423.327	24.732.426.977
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	17.047.423.327	24.732.426.977
222	- Nguyên giá		362.859.508.752	360.065.968.061
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(345.812.085.425)	(335.333.541.084)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	1.223.700.531
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	1.223.700.531
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	1.972.000.000	48.983.600.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.972.000.000	48.983.600.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.451.729.090	6.320.762.808
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	4.451.729.090	6.320.762.808
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		317.695.500.958	319.084.683.757

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		40.982.223.894	70.741.259.736
310	I. Nợ ngắn hạn		40.982.223.894	70.741.259.736
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	16.025.364.090	16.744.513.230
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		275.540.370	82.846.356
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	5.737.038.589	5.609.264.390
314	4. Phải trả người lao động		8.454.656.357	7.803.493.974
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	733.439.958	1.346.811.560
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	9.152.140.361	10.064.671.456
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	-	28.159.074.914
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		604.044.169	930.583.856
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		276.713.277.064	248.343.424.021
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	276.713.277.064	248.343.424.021
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		180.810.530.000	150.713.370.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		180.810.530.000	150.713.370.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		508.431.449	15.557.011.449
415	3. Cổ phiếu quỹ		(317.124.000)	(317.124.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		65.574.633.259	64.948.203.442
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		30.136.806.356	17.441.963.130
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		22.757.000	-
421b	LNST chưa phân phối năm nay		30.114.049.356	17.441.963.130
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		317.695.500.958	319.084.683.757


Dương Trương Thị Hồng Trinh
 Người lập


Nguyễn Hòa Hiệp
 Kế toán trưởng


La Hoài Nam
 Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	467.307.693.861	494.021.420.795
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	701.869.440	1.187.875.520
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		466.605.824.421	492.833.545.275
11	4. Giá vốn hàng bán	22	411.072.107.394	432.645.017.228
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		55.533.717.027	60.188.528.047
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	20.254.292.121	864.655.600
22	7. Chi phí tài chính	24	1.664.993.906	2.736.158.880
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		245.749.233	1.598.005.882
25	8. Chi phí bán hàng	25	14.568.304.136	15.480.648.691
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21.906.341.605	19.997.912.550
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		37.648.369.501	22.838.463.526
31	11. Thu nhập khác		383.019.694	347.624.634
32	12. Chi phí khác		235.353.830	922.149.682
40	13. Lợi nhuận khác		147.665.864	(574.525.048)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		37.796.035.365	22.263.938.478
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	7.681.986.009	4.821.975.348
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>30.114.049.356</u>	<u>17.441.963.130</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	1.667	966
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu			-

Dương Trương Thị Hồng Trinh
Người lập

Nguyễn Hòa Hiệp
Kế toán trưởng

La Hoài Nam
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		37.796.035.365	22.263.938.478
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		10.478.544.341	10.667.066.269
03	- Các khoản dự phòng		4.306.303.261	846.931.664
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(286.465.299)	(1.525.200)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(19.520.205.761)	(500.716.078)
06	- Chi phí lãi vay		245.749.233	1.598.005.882
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		33.019.961.140	34.873.701.015
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		21.147.569.559	2.818.517.665
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		48.187.860.826	10.475.017.195
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(3.071.203.349)	(6.371.895.987)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		2.075.843.936	845.391.592
14	- Tiền lãi vay đã trả		(536.851.122)	(1.385.044.056)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.306.636.713)	(4.766.609.006)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.070.736.000)	(1.968.549.263)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		93.445.808.277	34.520.529.155
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.569.840.160)	(1.995.705.031)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(149.940.000.000)	(25.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		25.000.000.000	-
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		64.946.800.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.022.179.730	63.542.181
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(59.540.860.430)	(26.932.162.850)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		5.764.790.764	54.727.813.268
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(33.923.865.678)	(56.424.405.046)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(28.159.074.914)	(1.696.591.778)

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		5.745.872.933	5.891.774.527
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		11.160.504.865	5.267.205.138
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	1.525.200
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>16.906.377.798</u>	<u>11.160.504.865</u>

Dương Trương Thị Hồng Trinh
Người lậpNguyễn Hòa Hiệp
Kế toán trưởngLa Hoài Nam
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Nhà máy thực phẩm xuất khẩu Mỹ Châu theo Quyết định số 207/1998/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 12 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp số 0301671386, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 3 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 16 tháng 01 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 180.810.530.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 180.810.530.000 đồng; tương đương 18.081.053 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 264 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 272 người).

Lĩnh vực kinh doanh

In và sản xuất bao bì bằng kim loại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, gia công các loại bao bì bằng kim loại;
- Dịch vụ cho thuê sân bãi, nhà xưởng, kho tàng thuộc quyền sử dụng của Công ty;
- In, tráng verni trên sắt lá;
- Bán buôn các loại vật tư, hóa chất sử dụng công nghệ in trên sắt lá;
- Bán buôn các loại sắt lá, nhôm lá (dạng cuộn, dạng tờ);
- Xuất khẩu, nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế dùng trong các lĩnh vực: in, tráng verni trên sắt lá;
- Kinh doanh thương mại nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 02 tháng đến 36 tháng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí trích trước hoa hồng bán hàng, ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.19 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.22 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất gia công các loại bao bì bằng kim loại và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.906.377.798	11.160.504.865
Các khoản tương đương tiền (*)	1.000.000.000	-
	<u>16.906.377.798</u>	<u>11.160.504.865</u>

(*) Tại ngày 31/12/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng có giá trị 1.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất 2,9 %/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	85.000.000.000	-	25.000.000.000	-
	<u>85.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>25.000.000.000</u>	<u>-</u>

Tại ngày 31/12/2024, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn 6 tháng với lãi suất từ 5,3%/năm đến 5,8%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Càng Rau Quả (VGP) (*)	1.972.000.000	2.133.312.000	-	1.972.000.000	2.496.641.700	-
- Công ty Cổ phần Bia và nước giải khát Việt Hà (i)	-	-	-	12.586.600.000	-	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ Nghệ (ii)	-	-	-	34.425.000.000	-	-
	<u>1.972.000.000</u>	<u>2.133.312.000</u>	<u>-</u>	<u>48.983.600.000</u>	<u>2.496.641.700</u>	<u>-</u>

(*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này được xác định theo giá đóng cửa tại ngày lập Báo cáo tài chính trên sàn HNX tại ngày 29/12/2023 và 31/12/2024.

- (i) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch bán 535.600 cổ phần của Công ty Cổ phần Bia và nước giải khát Việt Hà cho các nhà đầu tư khác, tương đương tổng mệnh giá 5.356.000.000 VND, giá bán 14.996.800.000 VND. Sau các giao dịch trên, tại ngày 31/12/2024, Công ty không còn sở hữu cổ phần của Công ty này.
- (ii) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch bán 1.350.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ Nghệ cho các nhà đầu tư khác, tương đương tổng mệnh giá 13.500.000.000 VND, giá bán 49.950.000.000 VND. Sau các giao dịch trên, tại ngày 31/12/2024, Công ty không còn sở hữu cổ phần của Công ty này.



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>	65.496.808.725	(5.509.559.586)	85.874.087.881	(1.203.256.325)
- Công ty CP Đồ hộp Blue Sea	11.185.722.434	(3.834.252.805)	8.564.852.108	(118.390.272)
- Công ty Cổ phần Thương mại KG	6.779.128.094	-	6.617.179.769	-
- Công ty CP Đồ hộp TP	6.164.679.290	-	11.497.756.688	-
Phải thu khách hàng khác	41.367.278.907	(1.675.306.781)	59.194.299.316	(1.084.866.053)
	<u>65.496.808.725</u>	<u>(5.509.559.586)</u>	<u>85.874.087.881</u>	<u>(1.203.256.325)</u>

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>	3.933.045.991	-	4.203.732.638	-
JIANGSU YOUFU SHEET TECHNOLOGY CO., LTD.	2.487.154.525	-	-	-
Công ty Melchers Techexport GMBH	-	-	1.397.716.600	-
Trả trước cho người bán khác	1.445.891.466	-	2.806.016.038	-
	<u>3.933.045.991</u>	<u>-</u>	<u>4.203.732.638</u>	<u>-</u>

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Tăng	Giảm	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>						
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Quỳnh Lương	-	-	64.940.000.000	-	64.940.000.000	-
	-	-	64.940.000.000	-	64.940.000.000	-

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:

Hợp đồng vay vốn số 1812/HĐVV/MCP-QL ngày 18/12/2024 và Hợp đồng vay vốn số 2412/HĐVV/MCP-QL ngày 24/12/2024 giữa Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Quỳnh Lương, với các điều khoản chi tiết sau:

- Tổng số tiền cho vay: 64.940.000.000 VND;
- Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu kinh doanh;
- Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày chuyển tiền dự kiến ;
- Lãi suất cho vay: theo thoả thuận, không thấp hơn 10,5%/năm và được xác định cuối mỗi năm dương lịch;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 64.940.000.000 VND;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

8 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	-	-	437.173.969	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	9.332.266	-	9.221.454	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	9.268.433	-	9.389.616	-
Tạm ứng	15.536.455	-	28.795.909	-
Phải thu khác	609.154.823	-	248.074.032	-
	<u>643.291.977</u>	<u>-</u>	<u>732.654.980</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	5.250.000	-	5.250.000	-
	<u>5.250.000</u>	<u>-</u>	<u>5.250.000</u>	<u>-</u>

9 . NỢ XẤU

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Đồ hộp Blue Sea	-	-	1.230.603.440	861.422.408
- Công ty CP Thực phẩm Gia Đình An Co	418.296.120	153.488.836	419.392.050	209.696.025
- Công ty CP Đồ hộp Blue Sea	9.276.177.962	5.441.925.157	394.634.240	276.243.968
- Các khoản khác	3.697.055.034	2.286.555.537	1.017.936.454	511.947.458
	<u>13.391.529.116</u>	<u>7.881.969.530</u>	<u>3.062.566.184</u>	<u>1.859.309.859</u>

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	44.224.244.175	-	84.900.198.209	-
Công cụ, dụng cụ	2.059.006.091	-	2.276.475.095	-
Thành phẩm	15.354.214.880	-	22.648.652.668	-
	<u>61.637.465.146</u>	<u>-</u>	<u>109.825.325.972</u>	<u>-</u>

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	10.667.980.186	340.452.201.387	7.435.141.700	863.213.045	647.431.743	360.065.968.061
- Mua trong năm	-	2.793.540.691	-	-	-	2.793.540.691
Số dư cuối năm	10.667.980.186	343.245.742.078	7.435.141.700	863.213.045	647.431.743	362.859.508.752
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	10.048.556.454	318.558.555.262	5.650.669.397	802.390.729	273.369.242	335.333.541.084
- Khấu hao trong năm	107.686.356	10.009.964.645	303.552.072	9.841.272	47.499.996	10.478.544.341
Số dư cuối năm	10.156.242.810	328.568.519.907	5.954.221.469	812.232.001	320.869.238	345.812.085.425
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	619.423.732	21.893.646.125	1.784.472.303	60.822.316	374.062.501	24.732.426.977
Tại ngày cuối năm	511.737.376	14.677.222.171	1.480.920.231	50.981.044	326.562.505	17.047.423.327

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 260.267.371.895 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	626.720.715	481.214.128
Công cụ dụng cụ xuất dùng	307.276.812	408.828.923
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	176.061.496	426.826.190
	<u>1.110.059.023</u>	<u>1.316.869.241</u>
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.767.788.408	6.118.175.125
Chi phí sửa chữa lớn nhà xưởng	666.094.558	31.083.338
Chi phí trả trước dài hạn khác	17.846.124	171.504.345
	<u>4.451.729.090</u>	<u>6.320.762.808</u>

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
HENKEL SINGAPORE PTE. LTD	3.786.106.298	3.786.106.298	3.837.544.920	3.837.544.920
CÔNG TY TNHH CANCOAT (VIETNAM)	1.794.146.086	1.794.146.086	1.038.290.000	1.038.290.000
Công ty TNHH GCM Packaging (Vietnam)	2.269.609.346	2.269.609.346	1.013.834.522	1.013.834.522
Phải trả nhà cung cấp khác	8.175.502.360	8.175.502.360	10.854.843.788	10.854.843.788
	<u>16.025.364.090</u>	<u>16.025.364.090</u>	<u>16.744.513.230</u>	<u>16.744.513.230</u>

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	836.645.531	-	36.697.896.143	34.229.935.459	-	1.631.315.153
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	72.378.658	-	515.112.678	442.734.020	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.529.429.995	7.681.986.009	5.306.636.713	-	3.904.779.291
Thuế Thu nhập cá nhân	-	154.711.375	912.412.762	924.789.459	58.609.467	200.944.145
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	3.925.123.020	10.298.912.177	14.224.035.197	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	6.000.000	3.000.000	-
	909.024.189	5.609.264.390	56.109.319.769	55.134.130.848	61.609.467	5.737.038.589

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	-	291.101.889
- Trích trước chi phí hoa hồng bán hàng	733.439.958	993.209.671
- Chi phí phải trả khác	-	62.500.000
	733.439.958	1.346.811.560

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

16 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tài sản thừa chờ giải quyết	726.560.350	285.989.557
- Kinh phí công đoàn	512.152.684	728.118.265
- Bảo hiểm thất nghiệp	167.706	197.298
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.448.293.795	8.495.894.180
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	464.965.826	554.472.156
	9.152.140.361	10.064.671.456

17 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP Hồ Chí Minh	28.159.074.914	28.159.074.914	5.764.790.764	33.923.865.678	-	-
	28.159.074.914	28.159.074.914	5.764.790.764	33.923.865.678	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	150.713.370.000	15.557.011.449	(317.124.000)	54.796.833.014	11.279.300.476	232.029.390.939
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	17.441.963.130	17.441.963.130
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	10.151.370.428	(11.279.300.476)	(1.127.930.048)
Số dư cuối năm trước	<u>150.713.370.000</u>	<u>15.557.011.449</u>	<u>(317.124.000)</u>	<u>64.948.203.442</u>	<u>17.441.963.130</u>	<u>248.343.424.021</u>
Số dư đầu năm nay	150.713.370.000	15.557.011.449	(317.124.000)	64.948.203.442	17.441.963.130	248.343.424.021
Tăng vốn trong năm nay (**)	30.097.160.000	(15.048.580.000)	-	-	(15.048.580.000)	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	30.114.049.356	30.114.049.356
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	626.429.817	(2.370.626.130)	(1.744.196.313)
Số dư cuối năm nay	<u>180.810.530.000</u>	<u>508.431.449</u>	<u>(317.124.000)</u>	<u>65.574.633.259</u>	<u>30.136.806.356</u>	<u>276.713.277.064</u>

(*) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 08/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2024, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2023	13,59%	17.441.963.130
Trích Quỹ đầu tư phát triển	3,59%	626.429.817
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10,00%	1.744.196.313

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

() Thông tin tăng vốn**

1) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 08/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2024, Công ty thực hiện việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Cụ thể như sau:

- Nguồn vốn thực hiện: Từ nguồn thặng dư vốn cổ phần của Công ty căn cứ trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 và đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật;
- Ngày kết thúc đợt phát hành: 02/12/2024; Ngày niêm yết bổ sung có hiệu lực: 02/01/2025;
- Giá trị phát hành: 15.048.580.000 VND; Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu đã phân phối: 1.504.858 cổ phiếu; Số cổ đông được phân phối: 888 cổ đông;
- Tổng số cổ phiếu của Công ty sau đợt phát hành là: 16.576.196 cổ phiếu, trong đó số lượng cổ phiếu đang lưu hành là 16.557.473 cổ phiếu, số lượng cổ phiếu quỹ là 18.722 cổ phiếu.

2) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 08/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2024, Công ty thực hiện việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Cụ thể như sau:

- Nguồn vốn thực hiện: Từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối của Công ty căn cứ trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 và đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật;
- Ngày kết thúc đợt phát hành: 02/12/2024; Ngày niêm yết bổ sung có hiệu lực: 02/01/2025;
- Giá trị phát hành: 15.048.580.000 VND; Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu đã phân phối: 1.504.858 cổ phiếu; Số cổ đông được phân phối: 888 cổ đông;
- Tổng số cổ phiếu của Công ty sau đợt phát hành là: 18.099.825 cổ phiếu, trong đó số lượng cổ phiếu đang lưu hành là 18.081.053 cổ phiếu, số lượng cổ phiếu quỹ là 18.722 cổ phiếu.

Theo thông báo số 28/TB-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh ngày 07/01/2025, số lượng chứng khoán thay đổi niêm yết sau 2 đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu là 3.009.716 cổ phiếu; Ngày thay đổi niêm yết có hiệu lực là 02/01/2025; Ngày giao dịch của chứng khoán thay đổi niêm yết là: 16/01/2025.

Công ty đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ thông qua việc thay đổi Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần thứ 14 ngày 16 tháng 01 năm 2025

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối năm VND	Tỷ lệ	Đầu năm VND
Công ty CP Hòn Ngọc Á Châu	4,58%	8.280.000.000	24,64%	37.135.000.000
Ông Trần Quang Huy	24,59%	44.453.352.000	24,58%	37.044.460.000
Bà Phan Đỗ Hạnh	13,99%	25.296.000.000	13,99%	21.080.000.000
Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	0,00%	-	11,94%	18.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư tài sản Việt Leader	20,24%	36.600.000.000	0,00%	-
Cổ đông khác	36,50%	65.993.958.000	24,73%	37.266.690.000
Cổ phiếu quỹ	0,10%	187.220.000	0,12%	187.220.000
	100%	180.810.530.000	100%	150.713.370.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	180.810.530.000	150.713.370.000
- Vốn góp đầu năm	150.713.370.000	150.713.370.000
- Vốn góp tăng trong năm	30.097.160.000	-
- Vốn góp cuối năm	180.810.530.000	150.713.370.000

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

d) Cổ phiếu		<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		18.081.053	15.071.337
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ		18.081.053	15.071.337
- Cổ phiếu phổ thông		18.081.053	15.071.337
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		18.722	18.722
- Cổ phiếu phổ thông		18.722	18.722
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		18.062.331	15.052.615
- Cổ phiếu phổ thông		18.062.331	15.052.615
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)		10.000	10.000
e) Các quỹ công ty		<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
		VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển		65.574.633.259	64.948.203.442
		<u>65.574.633.259</u>	<u>64.948.203.442</u>
19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG			
a) Tài sản thuê ngoài			
Công ty thuê đất tại số 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh. Diện tích khu đất thuê là 33.410 m ² . Theo đó Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm theo thông báo tiền thuê đất của cơ quan thuế.			
b) Ngoại tệ các loại		<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)		4.868,80	9.239,19
c) Nợ khó đòi đã xử lý		<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
		VND	VND
Công ty CP Chế biến Thực phẩm Xuất nhập khẩu Kiên Giang		233.874.352	233.874.352
Công ty TNHH Bao bì Sammiguél Yamamura		330.870.543	330.870.543
Các đối tượng khác		82.355.452	82.355.452
20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
		VND	VND
Doanh thu bán hàng		42.586.339.972	41.657.003.125
Doanh thu bán thành phẩm		399.231.348.232	421.053.850.181
Doanh thu cung cấp dịch vụ		25.283.231.307	31.310.567.489
Doanh thu khác		206.774.350	-
		<u>467.307.693.861</u>	<u>494.021.420.795</u>
21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
		VND	VND
Hàng bán bị trả lại		701.869.440	1.187.875.520
		<u>701.869.440</u>	<u>1.187.875.520</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	342.283.936.034	366.177.193.195
Giá vốn của hàng hóa đã bán	38.841.230.994	37.061.066.821
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	29.946.940.366	29.406.757.212
	411.072.107.394	432.645.017.228

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.545.006.161	454.049.878
Lãi bán các khoản đầu tư	17.935.200.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	39.999.600	46.666.200
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	447.621.061	363.939.522
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	286.465.299	-
	20.254.292.121	864.655.600

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	245.749.233	1.598.005.882
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.419.244.673	1.010.476.713
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	313.027.485
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	-	(185.351.200)
	1.664.993.906	2.736.158.880

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.943.410.149	4.294.410.857
Chi phí nhân công	3.015.638.103	3.457.145.226
Chi phí khấu hao tài sản cố định	125.890.236	221.574.498
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.894.745.928	3.104.919.179
Chi phí khác bằng tiền	4.588.619.720	4.402.598.931
	14.568.304.136	15.480.648.691

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	637.042.481	602.984.914
Chi phí nhân công	10.115.520.211	11.214.609.506
Chi phí khấu hao tài sản cố định	344.574.577	365.753.653
Thuế, phí, lệ phí	2.137.717.524	2.137.664.089
Chi phí dự phòng	4.306.303.261	1.032.282.864
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.496.191.285	3.589.376.914
Chi phí khác bằng tiền	868.992.266	1.055.240.610
	21.906.341.605	19.997.912.550

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	37.796.035.365	22.263.938.478
Các khoản điều chỉnh tăng	653.894.281	1.203.112.897
- Chi phí không hợp lệ	653.894.281	1.203.112.897
Các khoản điều chỉnh giảm	(39.999.600)	(48.191.400)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(39.999.600)	(46.666.200)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	-	(1.525.200)
Thu nhập chịu thuế TNDN	38.409.930.046	23.418.859.975
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	7.681.986.009	4.683.771.995
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	138.203.353
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.529.429.995	1.474.063.653
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(5.306.636.713)	(4.766.609.006)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	3.904.779.291	1.529.429.995

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	30.114.049.356	17.441.963.130
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	30.114.049.356	17.441.963.130
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	18.062.331	18.062.331
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.667	966

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	305.367.341.173	367.349.415.828
Chi phí nhân công	52.397.948.056	58.289.680.308
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.478.544.341	10.667.066.269
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.403.335.536	24.561.830.552
Chi phí khác bằng tiền	5.457.611.986	7.552.571.817
Chi phí dự phòng	4.306.303.261	1.032.282.864
	401.411.084.353	469.452.847.638

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2024				
Đầu tư dài hạn	-	2.133.312.000	-	2.133.312.000
	-	2.133.312.000	-	2.133.312.000
Tại ngày 01/01/2024				
Đầu tư dài hạn	-	2.496.641.700	-	2.496.641.700
	-	2.496.641.700	-	2.496.641.700

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.906.377.798	-	-	16.906.377.798
Phải thu khách hàng, phải thu khác	60.630.541.116	5.250.000	-	60.635.791.116
Các khoản cho vay	85.000.000.000	-	-	85.000.000.000
	<u>162.536.918.914</u>	<u>5.250.000</u>	<u>-</u>	<u>162.542.168.914</u>
Tại ngày 01/01/2024				
Tiền	11.160.504.865	-	-	11.160.504.865
Phải thu khách hàng, phải thu khác	85.403.486.536	5.250.000	-	85.408.736.536
Các khoản cho vay	25.000.000.000	-	-	25.000.000.000
	<u>121.563.991.401</u>	<u>5.250.000</u>	<u>-</u>	<u>121.569.241.401</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Phải trả người bán, phải trả khác	25.177.504.451	-	-	25.177.504.451
Chi phí phải trả	733.439.958	-	-	733.439.958
	<u>25.910.944.409</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>25.910.944.409</u>
Tại ngày 01/01/2024				
Vay và nợ	28.159.074.914	-	-	28.159.074.914
Phải trả người bán, phải trả khác	26.809.184.686	-	-	26.809.184.686
Chi phí phải trả	1.346.811.560	-	-	1.346.811.560
	<u>56.315.071.160</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>56.315.071.160</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN


Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:


	Mối quan hệ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Bà Phạm Thị Thuý Phương	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 28/06/2023)	60.000.000	80.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Nghị	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 27/04/2023)	-	40.000.000
Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 27/04/2023)	-	26.666.667
Ông Nguyễn Nam Thái	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 27/04/2023 Miễn nhiệm ngày 28/06/2023)	-	33.333.333
Bà Triệu Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 28/06/2024)	40.000.000	13.333.333
Bà Phan Đỗ Hạnh	Thành viên HĐQT Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 01/11/2024 và miễn nhiệm ngày 25/11/2024)	90.000.000	80.000.000
Bà Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 23/08/2024)	420.556.400	643.858.939
Thù lao của Ban kiểm soát		118.333.333	130.000.000


Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM kiểm toán.


Dương Trương Thị Hồng Trinh
 Người lập
 Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2025


Nguyễn Hòa Hiệp
 Kế toán trưởng


La Hoài Nam
 Tổng Giám đốc